



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)

Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Sài Gòn, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com



ISO/IEC 17025:2017



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03082/2025/PKQ (25.873)

Đơn vị được lấy mẫu:

Địa chỉ:

Thời gian lấy mẫu:

Thời gian thử nghiệm:

Loại mẫu:

Số lượng:

Vị trí lấy mẫu:

Toạ độ:

CÔNG TY TNHH HEMPEL VIỆT NAM

Nhà xưởng số 30&31, đường số 7, KCN Long Thành, Xã An Phước, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

20/06/2025

20/06/2025 – 11/07/2025

Nước thải

01 mẫu

Tại hố ga đầu nối 1A trên đường số 7 (ML)

X: 1195232

Y: 409011

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn đầu nối KCN Long Thành	Phương pháp phân tích
				Giới hạn tiếp nhận	
1	pH ^(b)	-	7,4	5 ÷ 10	TCVN 6492:2011
2	Nhu cầu oxi sinh hoá (BOD ₅) ^(b)	mg/L	9	100	SMEWW 5210B:2017
3	Nhu cầu oxi hóa học (COD) ^(b)	mg/L	23	300	SMEWW 5220C:2017
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/L	7	100	SMEWW 2540D:2017
5	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	0,47	-	QT-HT.01
6	Tổng dầu mỡ khoáng ^(b)	mg/L	0,95	20	SMEWW 5520B&F:2017
7	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(b)	mg/L	9,66	20	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017
8	Tổng Nito ^(b)	mg/L	14,5	40	TCVN 6624-2:2000
9	Tổng Photpho ^(b)	mg/L	0,98	10	SMEWW 4500-P.B&E:2017

Ghi chú:

Thời gian lấy mẫu: 10h30' ngày 20/06/2025

(b)- Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Hà Nội, ngày 11 tháng 07 năm 2025

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM

QA/QC

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Lê Minh Tuấn

Nguyễn Thanh Vũ

Nguyễn Hoài Nam

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03083/2025/PKQ (25.873)

Đơn vị được lấy mẫu:

Địa chỉ:

Thời gian lấy mẫu:

Thời gian thử nghiệm:

Loại mẫu:

Số lượng:

Vị trí lấy mẫu:

Toạ độ:

CÔNG TY TNHH HEMPEL VIỆT NAM

Nhà xưởng số 30&31, đường số 7, KCN Long Thành, Xã An Phước, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

20/06/2025

20/06/2025 – 11/07/2025

Nước thải

01 mẫu

Tại hố ga đầu nối 4A trên đường số 7

X: 1195203

Y: 409098

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn đầu nối KCN Long Thành	Phương pháp phân tích
				Giới hạn tiếp nhận	
1	pH ^(b)	-	7,5	5,5 ÷ 9	TCVN 6492:2011
2	Nhu cầu oxi sinh hoá (BOD ₅) ^(b)	mg/L	8	50	SMEWW 5210B:2017
3	Nhu cầu oxi hóa học (COD) ^(b)	mg/L	21	150	SMEWW 5220C:2017
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/L	6	100	SMEWW 2540D:2017
5	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	0,5	-	QT-HT.01
6	Tổng dầu mỡ khoáng ^(b)	mg/L	0,9	10	SMEWW 5520B&F:2017
7	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(b)	mg/L	4,21	10	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017
8	Tổng Nito ^(b)	mg/L	9,9	40	TCVN 6624-2:2000
9	Tổng Photpho ^(b)	mg/L	0,76	6	SMEWW 4500-P.B&E:2017

Ghi chú:

Thời gian lấy mẫu: 10h20' ngày 20/06/2025

(b)- Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Hà Nội, ngày 11 tháng 07 năm 2025

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM

Lê Minh Tuấn

QA/QC

Nguyễn Thanh Vũ



Nguyễn Hoài Nam

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.

3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03084/2025/PKQ (25.873)

Đơn vị được lấy mẫu:

Địa chỉ:

Thời gian lấy mẫu:

Thời gian thử nghiệm:

Loại mẫu:

Số lượng:

Vị trí lấy mẫu:

Toạ độ:

CÔNG TY TNHH HEMPEL VIỆT NAM

Nhà xưởng số 30&31, đường số 7, KCN Long Thành, Xã An Phước, Tỉnh
Đồng Nai, Việt Nam

20/06/2025

20/06/2025 – 11/07/2025

Khí thải

01 mẫu

Sau hệ thống xử lý khí thải bụi và hơi dung môi

X: 1195148

Y: 409074

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT	Phương pháp phân tích
				Cột B, Kp=1 và Kv=1	Nồng độ tối đa	
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	14.625	-	-	US EPA Method 2
2	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	27,0	200	-	US EPA Method 5
3	Benzene ^(b)	mg/Nm ³	0,05	-	5	PD CEN/TS 13649:2014 + US EPA Method 8260D
4	Cyclohexane ^(d)	mg/Nm ³	KPH (MDL = 0,00003)	-	1.300	PD/CEN TS 13649:2014
5	n-Butanol ^(d)	mg/Nm ³	KPH (MDL = 0,01)	-	360	PD CEN/TS 13649:2014
6	Toluene ^(b)	mg/Nm ³	0,19	-	750	PD CEN/TS 13649:2014 + US EPA Method 8260D

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.

3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)

Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Sài Gòn, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com



ISO/IEC 17025:2017

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT	Phương pháp phân tích
				Cột B, Kp=1 và Kv=1	Nồng độ tối đa	
7	Xylene ^(b)	mg/Nm ³	0,79	-	870	PD CEN/TS 13649:2014 + US EPA Method 8260D

Ghi chú: KPH: không phát hiện. MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.

Thời gian lấy mẫu: 09h00' ngày 20/06/2025

(b)- Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

(d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 4,5 do Viện KHCN Năng lượng và Môi trường - 079

thực hiện;

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất

vô cơ

- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu

cơ

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM

Lê Minh Tuấn

QA/QC

Nguyễn Thanh Vũ

Hà Nội, ngày 11 tháng 07 năm 2025

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Hoài Nam



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.

3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.